

Số : **09** /2008/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **27** tháng 03 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nguyên tắc, quy trình xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nguyên tắc, quy trình xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị-xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TCDN (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đàm Hữu Đắc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, quy trình xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2008/QĐ-BLĐTBXH
ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, quy trình tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề; trách nhiệm của các cơ quan và tổ chức có liên quan trong việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề theo quy định tại Điều 80 của Luật Dạy nghề.

Điều 2. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia bao gồm các quy định về mức độ thực hiện và yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có để thực hiện các công việc của một nghề.

2. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ trưởng) chủ trì, phối hợp với cơ quan, hội nghề nghiệp có liên quan tổ chức xây dựng và ban hành theo quy định của Luật Dạy nghề và Quy định này.

Điều 3. Mục đích xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng và ban hành làm công cụ giúp cho:

1. Người lao động định hướng phấn đấu nâng cao trình độ về kiến thức và kỹ năng của bản thân thông qua việc học tập hoặc tích lũy kinh nghiệm trong quá trình làm việc để có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp;

2. Người sử dụng lao động có cơ sở để tuyển chọn lao động, bố trí công việc và trả lương hợp lý cho người lao động;

3. Các cơ sở dạy nghề có căn cứ để xây dựng chương trình dạy nghề tiếp

cận chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

4. Cơ quan có thẩm quyền có căn cứ để tổ chức thực hiện việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động.

Chương II

NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Mục 1

NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG, CẤU TRÚC TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng theo bậc trình độ kỹ năng nghề cho mỗi nghề và phù hợp với khung của từng bậc trình độ kỹ năng nghề..

3. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng có cấu trúc và định dạng thống nhất.

4. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng theo hướng phù hợp với yêu cầu của người sử dụng lao động, thể hiện được yêu cầu về kiến thức và kỹ năng thực hành đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, kinh doanh.

5. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng đảm bảo lượng hoá về kiến thức, kỹ năng, mức độ và thái độ thực hiện các công việc của nghề.

6. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng phù hợp với xu thế hội nhập với tiêu chuẩn kỹ năng nghề của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí xác định bậc trình độ kỹ năng nghề quốc gia

1. Số lượng bậc trình độ kỹ năng nghề trong một nghề tối đa 5 bậc. Số lượng bậc trình độ kỹ năng của một nghề cụ thể phụ thuộc vào mức độ phức tạp của nghề đó. Mức độ phức tạp của một nghề phụ thuộc vào tính chất, hình thức và mức độ thực hiện các công việc của nghề đó.

2. Bậc trình độ kỹ năng nghề được xác định dựa trên 3 nhóm tiêu chí chủ yếu sau:

- a) Phạm vi, độ khó và độ phức tạp của công việc;
- b) Mức độ linh hoạt và sáng tạo trong thực hiện công việc;
- c) Mức độ phối hợp và trách nhiệm trong thực hiện công việc.

Điều 6. Các bậc trình độ kỹ năng nghề quốc gia

Trên cơ sở các nhóm tiêu chí xác định bậc trình độ kỹ năng nghề quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này, yêu cầu cho từng bậc trình độ kỹ năng nghề như sau:

1. Bậc 1 (chứng chỉ 1):

- a) Làm được các công việc đơn giản và công việc của nghề có tính lặp lại;
- b) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản ở một phạm vi hẹp về hoạt động của nghề trong một số lĩnh vực; áp dụng được một số kiến thức nhất định khi thực hiện công việc;
- c) Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyển thông tin theo yêu cầu, chịu một phần trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình.

2. Bậc 2 (chứng chỉ 2):

- a) Làm được các công việc đơn giản, công việc có tính lặp lại và làm được một số công việc có tính phức tạp trong một số tình huống khác nhau nhưng cần có sự chỉ dẫn;
- b) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản về hoạt động của nghề; áp dụng được một số kiến thức chuyên môn và có khả năng đưa ra được một số giải pháp để giải quyết vấn đề thông thường khi thực hiện công việc;
- c) Có khả năng suy xét, phán đoán và giải thích thông tin; có khả năng làm việc theo nhóm, trong một số trường hợp có khả năng làm việc độc lập và chịu phần lớn trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình.

3. Bậc 3 (chứng chỉ 3):

- a) Làm được phần lớn các công việc của nghề có tính phức tạp, công việc có sự lựa chọn khác nhau và có khả năng làm việc độc lập mà không cần có sự chỉ dẫn;
- b) Hiểu biết và có kiến thức cơ bản về lý thuyết cơ sở, kiến thức chuyên môn của nghề; áp dụng được các kiến thức chuyên môn và có khả năng nhận biết để vận dụng các kiến thức để xử lý, giải quyết các vấn đề thông thường trong các tình huống khác nhau;
- c) Có khả năng nhận biết, phân tích và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; có khả năng hướng dẫn người khác trong tổ, nhóm; chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình về chất lượng theo tiêu chuẩn quy định và chịu một phần trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của người khác trong tổ, nhóm.

4. Bậc 4 (chứng chỉ 4):

- a) Làm được hầu hết các công việc của nghề có tính phức tạp, công việc có nhiều sự lựa chọn trong các tình huống khác nhau và có khả năng làm việc độc lập, tự chủ cao;
- b) Hiểu biết và có kiến thức rộng về lý thuyết cơ sở, kiến thức chuyên môn tương đối sâu trong một số lĩnh vực của nghề; có khả năng truyền tải và vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng để xử lý, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong các tình huống khác nhau;

c) Biết phân tích, đánh giá thông tin và sử dụng kết quả phân tích đánh giá để đưa ra ý kiến, kiến nghị cho mục đích quản lý và nghiên cứu; có khả năng quản lý, điều hành được tổ, nhóm trong quá trình thực hiện công việc; tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm do mình đảm nhiệm về chất lượng theo tiêu chuẩn quy định và chịu trách nhiệm một phần đối với kết quả công việc, sản phẩm của tổ, nhóm.

5. Bậc 5 (chứng chỉ 5):

a) Làm được các công việc của nghề với mức độ tinh thông, thành thạo và làm việc độc lập, tự chủ cao;

b) Hiểu biết rộng về lý thuyết cơ sở và sâu về kiến thức chuyên môn trong nhiều lĩnh vực của nghề; có kỹ năng phân tích, chẩn đoán, thiết kế, suy xét để giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật và yêu cầu quản lý trong phạm vi rộng;

c) Biết phân tích, đánh giá thông tin và tổng quát hoá để đưa ra các quan điểm, sáng kiến của mình; quản lý, điều hành tổ, nhóm trong thực hiện công việc; tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm do mình đảm nhiệm về chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả công việc của tổ, nhóm theo tiêu chuẩn quy định và các thông số kỹ thuật.

Điều 7. Cấu trúc tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

Cấu trúc tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đối với từng nghề bao gồm 3 phần cơ bản sau:

1. Mô tả nghề:

Mô tả phạm vi, vị trí làm việc, các nhiệm vụ chính cần phải thực hiện, điều kiện và môi trường làm việc, bối cảnh thực hiện các công việc, công cụ, máy, thiết bị, dụng cụ chủ yếu cần thiết để thực hiện các công việc của nghề.

2. Danh mục công việc:

Liệt kê đầy đủ các công việc cần phải thực hiện và sắp xếp các công việc đó theo các bậc trình độ kỹ năng nghề.

3. Tiêu chuẩn thực hiện công việc:

Tiêu chuẩn thực hiện công việc của từng công việc trong danh mục công việc được trình bày theo 5 mục có nội dung như sau:

a) Mô tả công việc: nêu khái quát về công việc và các bước cần phải tiến hành khi thực hiện công việc;

b) Các tiêu chí thực hiện: xác định và mô tả chi tiết các tiêu chí cần phải đạt được khi thực hiện các bước công việc về quy trình, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, thái độ nghề nghiệp, an toàn lao động, thời gian thực hiện... Các tiêu chí phải lượng hoá hoặc tính toán xác định được;

c) Các kỹ năng và kiến thức thiết yếu: nêu rõ các kỹ năng quan trọng và kiến thức lý thuyết cần thiết để thực hiện công việc một cách hiệu quả;

d) Các điều kiện thực hiện: nêu rõ các công cụ, máy, thiết bị, trang bị, dụng cụ, tài liệu và nguyên vật liệu cần thiết để tiến hành thực hiện công việc;

đ) Tiêu chí và cách thức đánh giá: nêu các hướng dẫn lựa chọn bằng chứng hỗ trợ cho việc đánh giá và cách thức đánh giá để xác định một cá nhân có năng lực thực hiện công việc trong một môi trường làm việc cụ thể.

Mục 2

QUY TRÌNH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 8. Ban Chủ nhiệm xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Thành lập Ban Chủ nhiệm xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia:

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ) chủ trì việc tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia thành lập các Ban Chủ nhiệm xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm) cho từng nghề. Ban Chủ nhiệm của từng nghề do Bộ trưởng Bộ chủ trì quyết định thành lập để giúp Bộ trưởng chỉ đạo, điều hành việc tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho nghề đó.

2. Thành phần, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên của Ban Chủ nhiệm:

a) Thành phần của Ban Chủ nhiệm gồm có: Chủ nhiệm, 2 Phó Chủ nhiệm, 1 Ủy viên Thư ký và các ủy viên khác, trong đó Chủ nhiệm và Ủy viên Thư ký là người thuộc Bộ chủ trì;

b) Số lượng thành viên của Ban Chủ nhiệm có từ 9 đến 15 người tùy thuộc từng nghề được giao xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

c) Cơ cấu các thành viên của Ban Chủ nhiệm:

- Thành viên là người thuộc Bộ chủ trì không vượt quá 1/2 (một phần hai) số thành viên của Ban Chủ nhiệm;

- Số thành viên còn lại trong Ban Chủ nhiệm là người đại diện cho người sử dụng lao động, người lao động, các hội nghề nghiệp ở Trung ương có liên quan đến các nghề cần xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và các chuyên gia, nhà khoa học.

d) Tiêu chuẩn thành viên của Ban chủ nhiệm: là những người có năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý và tổ chức phân công lao động hoặc có năng lực và kinh nghiệm về xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Chủ nhiệm:

a) Được thành lập một bộ phận giúp việc cho Ban Chủ nhiệm (sau đây được gọi là Tiểu ban Phân tích nghề) để tiến hành các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho nghề được giao theo quy định tại các điều 9, 10, 11 và 12 của Quy định này. Tiểu ban Phân tích nghề có từ 10 đến 12 thành viên là những người có uy tín được lựa chọn từ: doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề hoặc do hội nghề nghiệp đề cử hoặc giới thiệu, trong đó có từ 7 đến 9 thành viên là kỹ sư hoặc người có trình độ đại học trở lên và người có bậc trình độ kỹ năng nghề cao nhất hoặc tương đương với bậc cao nhất của nghề cần xây dựng tiêu

chuẩn kỹ năng nghề (sau đây gọi chung là chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn). Các thành viên khác của Tiểu ban Phân tích nghề là người có trình độ đại học trở lên đang trực tiếp làm công tác quản lý, có kinh nghiệm trong tổ chức phân công lao động của nghề cần xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề;

b) Trường hợp không thành lập Tiểu ban Phân tích nghề theo quy định tại điểm a của khoản này, Ban Chủ nhiệm được quyền ký hợp đồng với một tổ chức có kinh nghiệm và năng lực về xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề như: cơ sở dạy nghề, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức khác (sau đây gọi chung là cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề) để tiến các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho nghề được giao theo quy định tại các điều 9, 10, 11 và 12 của Quy định này;

c) Tổ chức tập huấn phương pháp khảo sát, phương pháp phân tích nghề, phân tích công việc, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề cho những người trực tiếp tham gia vào việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề là các thành viên của Tiểu ban Phân tích nghề hoặc thuộc cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề;

d) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được giao tổ chức xây dựng;

đ) Lập hồ sơ trình thẩm định dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề đã được biên soạn, bao gồm: báo cáo về quá trình tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của nghề được giao, dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được giao xây dựng theo quy định tại Điều 12 và các sản phẩm trung gian như: sơ đồ phân tích nghề, bộ phiếu phân tích công việc theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Quy định này;

e) Hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo yêu cầu của Hội đồng Thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Quy định này (nếu có);

g) Hoàn chỉnh hồ sơ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia để trình Bộ trưởng Bộ chủ trì xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

Điều 9. Phân tích nghề

1. Nghiên cứu, thu thập thông tin về các tiêu chuẩn liên quan đến nghề được giao tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

2. Nghiên cứu lựa chọn doanh nghiệp cần được khảo sát về quy trình của sản xuất, kinh doanh để phục vụ cho phân tích nghề, phân tích công việc và xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

3. Khảo sát quy trình sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp được lựa chọn.

4. Phân tích nghề thông qua các cuộc hội thảo và phân tích kết quả khảo sát để lập sơ đồ phân tích nghề theo Phụ lục I của Quy định này.

5. Nghiên cứu, tham khảo sơ đồ phân tích nghề của nước ngoài (nếu có),

tổ chức lấy ý kiến của ít nhất 30 chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn không tham gia Tiểu ban Phân tích nghề hoặc thuộc cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề đối với sơ đồ phân tích nghề được lập theo khoản 4 của Điều này và hoàn thiện sơ đồ phân tích nghề sau khi nhận được ý kiến của các chuyên gia đó.

Điều 10. Phân tích công việc

1. Lập phiếu phân tích công việc theo mẫu tại Phụ lục II của Quy định này cho tất cả các công việc có trong sơ đồ phân tích nghề để phân tích theo các nội dung: trình tự thực hiện các bước công việc; tiêu chuẩn thực hiện mà sản xuất hay hoạt động kinh doanh đòi hỏi; kỹ năng cần thiết và kiến thức có liên quan; các điều kiện về công cụ, máy, thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu và môi trường làm việc để thực hiện công việc có hiệu quả.

2. Nghiên cứu, tham khảo tài liệu của nước ngoài (nếu có), tổ chức lấy ý kiến của ít nhất 30 chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn không tham gia Tiểu ban Phân tích nghề hoặc thuộc cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề đối với phiếu phân tích công việc được lập theo quy định tại khoản 1 của Điều này và hoàn chỉnh sau khi có ý kiến của các chuyên gia đó.

3. Tiến hành hội thảo để hoàn thiện phiếu phân tích công việc. Thành phần tham dự hội thảo bao gồm: các thành viên của Tiểu ban Phân tích nghề hoặc những người trực tiếp tham gia vào việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề của cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề; các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn của Bộ chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn của các doanh nghiệp và cơ quan, hội nghề nghiệp có liên quan đến nghề cần được xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 11. Xây dựng danh mục các công việc

1. Căn cứ theo khung của từng bậc trình độ kỹ năng nghề được quy định tại Điều 6 của Quy định này, tiến hành lựa chọn và sắp xếp các công việc trong sơ đồ phân tích nghề đã hoàn thiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của Quy định này thành danh mục các công việc theo các bậc trình độ kỹ năng nghề theo mẫu tại Phụ lục III của Quy định này.

2. Tổ chức lấy ý kiến của ít nhất 30 chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn không tham gia Tiểu ban Phân tích nghề hoặc thuộc cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề đối với danh mục các công việc đã được xây dựng theo quy định tại khoản 1 của Điều này và hoàn thiện sau khi có ý kiến của các chuyên gia đó.

Điều 12. Biên soạn tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Căn cứ vào phiếu phân tích công việc đã được hoàn thiện theo quy định

tại khoản 3 của Điều 10, danh mục các công việc được xây dựng theo quy định tại Điều 11 và cấu trúc tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được quy định tại Điều 7 của Quy định này, tiến hành biên soạn tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo mẫu định dạng tiêu chuẩn kỹ năng nghề tại Phụ lục IV của Quy định này.

2. Tổ chức lấy ý kiến của ít nhất 30 chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn không tham gia biên soạn tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đối với tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được biên soạn theo quy định tại khoản 1 của Điều này và hoàn chỉnh sau khi có ý kiến của các chuyên gia đó.

3. Tiến hành hội thảo lấy ý kiến đối với tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đã được biên soạn theo quy định tại khoản 2 của Điều này để hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và giao cho Ban Chủ nhiệm nghiệm thu trước khi tổ chức thẩm định.

Thành phần tham gia hội thảo bao gồm: các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn, đại diện của các cơ quan quản lý nhà nước về lao động các cấp, đại diện của người sử dụng lao động, đại diện của người lao động, đại diện của hội nghề nghiệp và đại diện của các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, viện nghiên cứu, trường đào tạo, cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến nghề được xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Mục 3

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 13. Hội đồng Thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Hội đồng Thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề (sau đây gọi tắt là Hội đồng Thẩm định) do Bộ trưởng Bộ chủ trì quyết định thành lập để thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Thẩm định gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, uỷ viên thư ký và các uỷ viên khác.

3. Số lượng, cơ cấu thành phần của Hội đồng Thẩm định như sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng Thẩm định có từ 7 - 9 người;

b) Cơ cấu thành phần của Hội đồng Thẩm định gồm những người được các cơ quan đại diện cho người sử dụng lao động, người lao động, hội nghề nghiệp ở Trung ương và các cơ quan khác đề cử hoặc giới thiệu nhưng không phải là người tham gia Ban Chủ nhiệm và Tiểu ban Phân tích nghề hoặc cơ quan nhận hợp đồng xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Hội đồng Thẩm định có ít nhất 1/3 (một phần ba) thành viên đang trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp có nghề được xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

4. Thành viên của Hội đồng Thẩm định phải có một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là kỹ sư hoặc người có trình độ đại học trở lên có uy tín và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thực tiễn trong nghề thẩm định;

b) Là người có bậc trình độ kỹ năng nghề cao nhất hoặc tương đương với bậc cao nhất của nghề thẩm định;

c) Các thành viên khác làm công tác quản lý là người có trình độ đại học trở lên và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức phân công lao động của nghề thẩm định .

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Thẩm định:

a) Hội đồng Thẩm định làm việc dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định;

b) Phiên họp của Hội đồng Thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Thẩm định và phải ghi biên bản. Biên bản cuộc họp của Hội đồng Thẩm định phải có chữ ký của Chủ tịch và uỷ viên Thư ký của Hội đồng Thẩm định;

c) Hội đồng Thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, từng thành viên trong Hội đồng Thẩm định có ý kiến phân tích, đánh giá công khai mặt được, mặt chưa được và bỏ phiếu kín đánh giá đối với dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề trình thẩm định theo mẫu Phiếu đánh giá tại Phụ lục V của Quy định này;

d) Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định theo đa số Phiếu đánh giá của các thành viên và là ý kiến chính thức của Hội đồng Thẩm định. Các ý kiến khác với kết luận của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định được bảo lưu và gửi báo cáo Bộ trưởng Bộ chủ trì.

Điều 14. Thời hạn và nội dung thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của Ban Chủ nhiệm, Bộ trưởng Bộ chủ trì ra quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định theo quy định tại Điều 13 của Quy định này. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định có hiệu lực, Hội đồng Thẩm định tiến hành thực hiện công việc thẩm định theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

2. Việc tiến hành thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia tập trung vào một số nội dung như sau:

a) Thẩm định sự tuân thủ về quy trình xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề cần thẩm định theo quy định tại các điều 9, 10, 11 và 12 của Quy định này;

b) Thẩm định sự phù hợp về cấu trúc và định dạng tiêu chuẩn kỹ năng nghề được tổ chức xây dựng theo quy định tại Điều 7 và Phụ lục số IV của Quy định này;

c) Thẩm định về chất lượng của tiêu chuẩn kỹ năng nghề được xây dựng

theo các tiêu chí được ghi trong Phiếu đánh giá theo mẫu tại Phụ lục V của Quy định này.

Điều 15. Trình tự thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

Tổ chức thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được thực hiện theo các bước sau:

1. Bước 1: chuẩn bị

a) Hội đồng Thẩm định xây dựng kế hoạch thẩm định và thông báo cho Ban Chủ nhiệm thời gian, địa điểm và chuẩn bị các nội dung cần báo cáo trước Hội đồng Thẩm định;

b) Ban Chủ nhiệm gửi hồ sơ trình thẩm định dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 của Quy định này cho các thành viên Hội đồng Thẩm định để nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến nhận xét;

c) Các thành viên Hội đồng Thẩm định nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến nhận xét bằng văn bản đánh giá mặt được và mặt chưa được đối với dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trình thẩm định để làm cơ sở cho việc tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng Thẩm định và gửi Chủ tịch Hội đồng Thẩm định trước khi Hội đồng Thẩm định họp.

2. Bước 2: tiến hành thẩm định

a) Ban Chủ nhiệm báo cáo các nội dung theo thông báo của Hội đồng Thẩm định;

b) Các thành viên của Hội đồng Thẩm định thảo luận, đánh giá công khai về dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trình thẩm định. Trong quá trình họp thẩm định, Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm giải đáp các câu hỏi của các thành viên Hội đồng Thẩm định;

c) Các thành viên của Hội đồng Thẩm định bỏ phiếu kín đánh giá chất lượng của dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trình thẩm định theo 3 mức độ: đạt yêu cầu đề nghị ban hành ngay, đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành, chưa đạt yêu cầu phải xây dựng lại, được quy định trong Phiếu đánh giá theo mẫu tại Phụ lục V của Quy định này;

d) Chủ tịch Hội đồng Thẩm định tổng hợp các ý kiến đánh giá của các thành viên và kết luận về chất lượng của dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trình thẩm định.

3. Bước 3: báo cáo kết quả thẩm định

Chủ tịch Hội đồng Thẩm định báo cáo Bộ trưởng Bộ chủ trì kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trình thẩm định (kèm theo biên bản cuộc họp và các ý kiến nhận xét đánh giá bằng văn bản của các thành viên Hội đồng Thẩm định) đồng thời gửi Ban Chủ nhiệm để xem xét, thực hiện theo yêu cầu của Hội đồng Thẩm định.

Điều 16. Ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Sau khi Hội đồng Thẩm định đánh giá đạt yêu cầu đối với dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia trình thẩm định, Ban Chủ nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được giao tổ chức xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ chủ trì cho ý kiến trước khi gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét thoả thuận bằng văn bản.

Hồ sơ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia gồm có: công văn của Bộ trưởng Bộ chủ trì gửi Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị thoả thuận cho ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia kèm theo dự thảo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và bản báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng Thẩm định.

2. Bộ trưởng Bộ chủ trì căn cứ vào công văn thoả thuận của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ra quyết định ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia để áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

3. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của các nghề do Bộ trưởng Bộ chủ trì quyết định ban hành được gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để theo dõi và thống nhất quản lý.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1. Quy định nguyên tắc, quy trình và tổ chức chỉ đạo việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

2. Thống nhất kế hoạch, phân công cho các Bộ chủ trì tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề và thoả thuận bằng văn bản để các Bộ ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề sau khi thẩm định đạt yêu cầu.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của các Bộ.

4. Thống nhất quản lý các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia do các Bộ ban hành.

Điều 18. Trách nhiệm của các Bộ chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Lập kế hoạch về việc tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, hội nghề nghiệp có liên quan tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho các nghề theo kế hoạch đã thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức xây dựng và thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của các nghề được giao.

4. Báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của các nghề được giao

5. Quản lý lưu giữ các hồ sơ tài liệu có liên quan đến việc xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia của các nghề được giao để đề xuất cập nhật, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đã quyết định ban hành cho phù hợp với những đổi thay của hoạt động sản xuất, kinh doanh và với yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới./.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đàm Hữu Đắc

Phụ lục II
PHIẾU PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **09/2008/QĐ-BLDTBXH** ngày **27/2/2008**
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nhiệm vụ:

Tên công việc:

Mô tả công việc: (ghi ngắn gọn, rõ ràng công việc này làm gì)

Ngày:

Người biên soạn:

Người thẩm định:

Các bước thực hiện công việc	Tiêu chuẩn thực hiện	Dụng cụ, trang thiết bị, vật liệu...	Kiến thức cần có	Kỹ năng cần có	Thái độ cần có	Các quyết định, tín hiệu và lỗi thường gặp
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
...						

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC CÔNG VIỆC THEO CÁC BẬC TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21.12008/QĐ-BLĐTBXH ngày 27.1.1/2008

của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề:

Mã số nghề:

Số TT	MÃ SỐ CÔNG VIỆC	CÔNG VIỆC	TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ					
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	
1	A1							
2	A2							
3	A3							
4	A4							
5	A5							
6	A6							
	B							
7	B1							
8	B2							
9	B3							
10	B4							
11	B5							
	C							
12	C1							
13	C2							
14	C3							
...							

Phụ lục IV

MẪU ĐỊNH DẠNG TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *09*/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày *27*.*3*.2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 16, Bold)

TÊN NGHỀ:.....

MÃ SỐ NGHỀ:.....

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

Hà Nội, /200....

(font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold, Italic)

GIỚI THIỆU CHUNG

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG *(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)*

.....(1).....
.....
.....
.....
.....
.....

II. DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA XÂY DỰNG

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

TT	Họ và tên	Nơi làm việc <i>(font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)</i>
1		
2		
3		
...		

III. DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

TT	Họ và tên	Nơi làm việc <i>(font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)</i>
1		
2		
3		
...		

MÔ TẢ NGHỀ

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

TÊN NGHỀ:.....

MÃ SỐ NGHỀ:.....

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

..... (2).....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

DANH MỤC CÔNG VIỆC

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

TÊN NGHỀ:

MÃ SỐ NGHỀ:.....

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

TT	Mã số công việc	Công việc (font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)	Trình độ kỹ năng nghề				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
	A						
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
	B						
9							
10							
11							
12							
13							
....					
....					

TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

Tên Công việc:

Mã số Công việc:
(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

I. MÔ TẢ CÔNG VIỆC (font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

.....(3).....
.....
.....
.....
.....

II. CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN (font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

.....(4).....
.....

III. CÁC KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC THIẾT YẾU (5) (font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ 12, Bold)

1. Kỹ năng (font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)

.....
.....

2. Kiến thức (font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)

.....
.....

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC (font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 14, Bold)

.....(6).....
.....
.....
.....

V. TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

(font chữ: Times New Roman, in hoa, cỡ chữ: 12, Bold)

Tiêu chí đánh giá (font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)	Cách thức đánh giá (font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ: 14, Bold)
.....(7).....(8).....

Ghi chú:

- (1) - Giới thiệu tóm tắt về quá trình xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và định hướng sử dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;
- (2) - Mô tả phạm vi, vị trí làm việc, các nhiệm vụ chính cần phải thực hiện, điều kiện và môi trường làm việc, bối cảnh thực hiện các công việc, công cụ, máy, thiết bị, dụng cụ chính được sử dụng để thực hiện các công việc của nghề;
- (3) - Trong phần này ghi khái quát về công việc và các bước chính thực hiện công việc đó, ghi rõ, ngắn gọn và bắt đầu bằng một động từ chỉ hành động.
- (4) - Xác định và mô tả chi tiết các tiêu chí cần phải đạt được khi thực hiện các bước công việc về quy trình, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, thái độ nghề nghiệp, an toàn lao động, thời gian thực hiện. Các tiêu chí phải lượng hoá hoặc tính toán xác định được;
- (5) - Nêu rõ các kỹ năng quan trọng và kiến thức lý thuyết cần thiết để thực hiện công việc một cách hiệu quả;
- (6) - Trong phần này nêu rõ tất cả các tài liệu kỹ thuật như sổ tay, phiếu công nghệ, các thiết bị, công cụ, nguyên vật liệu và các yêu cầu khác cần có để thực hiện công việc, nêu rõ đặc tính kỹ thuật của một số trang thiết bị nếu cần thiết;
- (7) - Trong phần này nêu rõ tính chất, dấu hiệu thể hiện kỹ năng làm căn cứ đánh giá tiêu chuẩn thực hiện;
- (8) - Trong phần này nêu rõ phương pháp, công cụ được sử dụng để đánh giá các tiêu chí theo các tiêu chuẩn thực hiện.

*Quy định về cách trình bày

- Những phần nội dung không quy định về cỡ chữ thì sử dụng font chữ: Times New Roman, in thường, cỡ chữ 13-14, (không nghiêng, không đậm);
- Định dạng trang in: trang in được định hướng theo chiều dài của khổ giấy A4 (210x297mm); lề trên: 20mm; lề dưới: 20mm; lề phải: 20mm; lề trái: 30-35mm; các trang có nội dung là bảng, biểu dữ liệu có thể định hướng trang in theo chiều rộng khổ giấy A4; lề trên: 30-35mm; lề trái, lề phải, lề dưới: 20mm;
- Số trang: được đánh ở giữa lề dưới; sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, kiểu chữ thường./.

Phụ lục V

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **09/2008/QĐ-BLĐTBXH** ngày **27/3/2008**
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Nghề:

1. Họ tên người đánh giá:

2. Chức vụ, đơn vị công tác:

3. Đánh giá theo các tiêu chí:

STT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá			Những nội dung cần chỉnh sửa và bổ sung
		Đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa	Không đạt yêu cầu	
1	Về Sơ đồ phân tích nghề				
1.1	Trong phần mô tả nghề, nêu được: phạm vi, vị trí làm việc và các hoạt động chính của nghề, các dụng cụ, trang thiết bị, nguyên vật liệu chủ yếu một cách khái quát, ngắn gọn, phù hợp với hoạt động thực tế của nghề				
1.2	*Sơ đồ phân tích nghề thể hiện đầy đủ các nhiệm vụ và công việc cần có của nghề.				
1.3	*Tên và mã số các nhiệm vụ, công việc được ghi chính xác và rõ ràng.				
2	Bảng phân tích công việc				
2.1	Trình tự và nội dung các bước thực hiện chủ yếu của công việc được ghi khái quát, phù hợp với yêu cầu tổ chức sản xuất trong thực tế.				
2.2	*Các điều kiện để thực hiện công việc được ghi rõ ràng, đầy đủ về: kiến thức, kỹ năng, thái độ, dụng cụ, trang thiết bị, nguyên vật liệu để thực hiện công việc.				
2.3	Các tiêu chuẩn thực hiện công việc được ghi rõ ràng và phù hợp với thực tế.				
3	Danh mục các công việc theo bậc trình độ: *Các công việc của nghề được sắp xếp phù hợp vào các bậc trình độ kỹ năng nghề.				

STT	Các tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá			Những nội dung cần chỉnh sửa và bổ sung
		Đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa	Không đạt yêu cầu	
4	Tiêu chuẩn thực hiện công việc				
4.1	Các bước thực hiện công việc ghi trong mô tả công việc là phù hợp với thực tế.				
4.2	* Các tiêu chí thực hiện công việc được ghi rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với thực tế.				
4.3	* Các kỹ năng, kiến thức thiết yếu đủ để đạt được tiêu chí thực hiện công việc đã đề ra				
4.4	Các điều kiện để thực hiện công việc được ghi rõ ràng và phù hợp thực tế.				
4.5	* Các tiêu chí đánh giá được ghi rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với điều kiện thực hiện công việc và đủ để đánh giá tiêu chuẩn thực hiện công việc.				
4.6	Tương ứng với mỗi tiêu chí đánh giá có cách thức đánh giá rõ ràng, phù hợp với thực tế.				

4. Đánh giá chung:

Ngày tháng năm 200...

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Các tiêu chí có đánh dấu * có ý nghĩa rất quan trọng đối với chất lượng tiêu chuẩn kỹ năng nghề.
2. Các mức độ đánh giá chung:
 - Đạt yêu cầu : Không phải sửa chữa gì hoặc chỉ cần sửa chữa vài lỗi nhỏ về biên tập;
 - Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa: Phải sửa chữa một số lỗi về cả nội dung chuyên môn và biên tập, sau đó trình chủ tịch, phó chủ tịch và thư ký hội đồng xem xét, nếu thông qua thì đạt yêu cầu;
 - Không đạt yêu cầu : Có nhiều lỗi về cả nội dung chuyên môn và biên tập, phải biên soạn lại để trình Hội đồng thẩm định lần thứ hai./.